

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh sách thí sinh trúng tuyển Kỳ thi tuyển sinh lớp 10
Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Quảng Nam năm học 2019-2020**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GDĐT về Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào các trường phổ thông, các trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm học 2019-2020;

Căn cứ kết quả của Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Quảng Nam năm học 2019-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh sách thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) tỉnh Quảng Nam năm học 2019-2020, gồm 155 học sinh (danh sách trúng tuyển theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Hiệu trưởng Trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm thông báo cho thí sinh trúng tuyển có tên trong danh sách tại Điều 1 làm thủ tục nhập học theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Hiệu trưởng Trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam và các học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu VT, CNTT-KTKĐCLGD (16);



GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN CÔNG THÀNH**

Phụ lục
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH QUẢNG NAM

Khóa thi ngày 03 và 04 tháng 6 năm 2019

(Kèm theo Quyết định số 1022/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam)

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tên trường	Huyện	Đối tượng UT	Tổng điểm UT, KK	Xếp loại Học lực lớp 9	ĐTB cả năm lớp 9	Điểm trúng tuyển
I HỌC SINH LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ														
1	12	290	Brôl Quốc Sang	Nam	26/09/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Tà riềng	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Giỏi	8,7	26,50
2	10	237	Hóih Nghiệp	Nam	17/02/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Tây Giang	Tây Giang			Giỏi	9,0	26,00
3	10	244	ZơRâm Nhé	Nữ	19/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Tà riềng	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang		0,5	Giỏi	8,5	24,50
4	04	090	Arát Thị Hào	Nữ	13/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Giỏi	8,1	24,00
5	12	278	Hóih Thị Phương	Nữ	12/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,8	24,00
6	15	368	Trương Phong Lệ Thủy	Nữ	13/11/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Mường	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,6	22,25
7	04	091	Blúp Thị Hồng Hào	Nữ	20/10/2004	Phước Sơn, Quảng Nam	Ka tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,6	22,00
8	02	030	Rápát Thị Cúc	Nữ	21/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,1	21,75
9	13	317	Ating Tiêng	Nam	10/09/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,9	21,50
10	03	077	BờNướcch Thị Hương Giang	Nữ	01/05/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,9	21,25
11	14	329	Arát Thị Thạch	Nữ	03/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Ka tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,5	21,00
12	14	330	Zơrâm Trọng Thái	Nam	06/10/2004	Quảng Nam	Tà riềng	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,3	21,00
13	07	174	Ating Thị Hà Lin	Nữ	28/08/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,0	20,75
14	14	334	Hồ Phương Thảo	Nữ	30/01/2004	Phước Sơn, Quảng Nam	Gié triềng	PTD/TNT Phước Sơn	Phước Sơn			Khá	7,4	20,75
15	06	147	Lê Trương Tiến Khải	Nam	18/12/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,5	20,50
16	07	168	Coor Thị Thanh Lê	Nữ	25/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,8	20,50
17	14	332	Bhưướcch Thành	Nam	21/09/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,7	20,25
18	02	049	Mạc Kỳ Dĩ	Nam	14/11/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,1	19,75
19	12	285	Alàng Quỳnh	Nữ	18/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Tà Riềng	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,5	19,75
20	01	004	Đinh Đình ANALY	Nữ	04/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,0	19,50
21	10	235	Plong Thu Ngân	Nữ	17/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,5	19,50
22	15	366	Phông Thị Bích Thủy	Nữ	08/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Ve	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,1	19,50
23	12	286	Bling Thị Quỳnh	Nữ	24/05/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,9	19,50
24	17	426	Trần Thị Như Ý	Nữ	26/03/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,8	19,25
25	07	161	Quách Ngọc Lan	Nữ	24/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Mường	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,5	19,25
26	17	411	Kaphu Vạn	Nam	01/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Giỏi	8,1	19,00
27	03	063	Bráo Đạo	Nữ	14/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT La Dê-Đắc Tỏi	Nam Giang			Giỏi	8,1	19,00

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tên trường	Huyện	Đối tượng UT	Tổng điểm UT, KK	Xếp loại Học lực lớp 9	ĐTB cả năm lớp 9	Điểm trung tuyển
28	13	309	Zorâm Thị Ý Tâm	Nữ	23/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,0	19,00
29	02	040	Alăng Thị Kim Chi	Nữ	01/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,6	19,00
30	03	064	Alăng Đạt	Nữ	23/09/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,3	19,00
31	04	080	Phan Thị Trà Giang	Nữ	16/10/2004	Bắc Trà My, Quảng Nam	Cơ	PTDINT Nước Oa	Bắc Trà My			Giỏi	9,0	18,75
32	13	304	Briú Thị Sừu	Nữ	27/09/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,7	18,75
33	08	198	Brao Mạnh	Nam	12/01/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,4	18,75
34	08	191	Hiên thị Ly	Nữ	27/01/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Ve	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,2	18,50
35	03	069	Adiê Doan	Nam	21/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,2	18,25
36	12	288	Alăng Thị Rura	Nữ	01/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,3	18,00
37	09	227	Bling Hoi Nga	Nữ	14/04/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,7	18,00
38	09	220	Brôl Vi Nắc	Nữ	04/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Tà riêng	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,4	18,00
39	03	062	Kring Thị Ánh Đảo	Nữ	08/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Ve	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,4	18,00
40	07	166	Zorâm Giang Lâm	Nam	08/06/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Tà Riêng	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,8	18,00
41	06	150	Pr Loong Khen	Nữ	06/09/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,3	17,75
42	15	371	Hồ Thị Anh Thuyền	Nữ	10/11/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTDINT Nam Trà My	Nam Trà My			Giỏi	8,5	17,50
43	14	344	Bnưoch Thiên	Nữ	04/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,7	17,50
44	12	284	Hiên Quynh	Nam	07/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,0	17,50
45	07	175	Alăng Mỹ Linh	Nữ	07/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,6	17,50
46	07	153	Hồ Thanh Khuê	Nam	13/05/2004	Bắc Trà My, Quảng Nam	Ca dong	THCS Nguyễn Du	Bắc Trà My			Giỏi	8,0	17,25
47	06	137	Bling Thị Ngọc Hương	Nữ	16/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,3	17,25
48	08	197	Pr Loong Thị Mai	Nữ	01/01/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Ve	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,9	17,25
49	17	419	Alăng Duy Vỹ	Nam	11/09/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Khá	6,8	17,25
50	08	184	Doãn Hoàng Long	Nam	06/08/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,5	17,00
51	13	326	Đinh Thị Ánh Tuyết	Nữ	11/05/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,4	16,75
52	03	061	Alăng Thị Đảo	Nữ	03/04/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,4	16,75
53	09	224	Bhriú Thị Nớ	Nữ	22/07/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,2	16,75
54	04	097	Trần Thị Hằng	Nữ	18/01/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Tà Riêng	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,0	16,75
55	12	289	Boling Sang	Nam	29/09/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,7	16,75
56	12	294	Poloong Thị Say	Nữ	15/11/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,7	16,75
57	03	065	Poloong Thị Đàng	Nữ	24/06/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,7	16,75
58	13	324	Lê Hồ Hạnh Tuyền	Nữ	10/10/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTDINT Nam Trà My	Nam Trà My			Khá	8,2	16,50
59	03	057	Briú Thị Bơi Dự	Nữ	12/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,1	16,50
60	15	354	Alăng Thị Thôi	Nữ	12/10/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,3	16,50

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tên trường	Huyện	Đối tượng UT	Tổng điểm UT, KK	Xếp loại Học lực lớp 9	ĐTB cả năm lớp 9	Điểm trung tuyển
61	06	152	Riạch Khởi	Nam	03/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,4	16,50
62	01	008	Hồ Hoài Anh	Nam	25/10/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Xê dăng	PTD/TNT Trà Cang	Nam Trà My			Giỏi	8,5	16,25
63	08	196	Bling Thị Mai	Nữ	18/08/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,4	16,25
64	10	238	Alăng Ngọc	Nam	10/08/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,3	16,25
65	02	048	Poloong Thị Di	Nữ	01/05/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,9	16,25
66	01	014	Alăng Ánh	Nữ	30/07/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Tây Giang	Tây Giang			TB	6,8	16,00
67	15	357	Ta Ngón Thu	Nữ	04/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,6	16,00
68	11	273	Un Thị Phước	Nữ	02/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Ve	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,5	16,00
69	03	060	Avô Tô Vi Đa	Nam	25/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			TB	5,2	16,00
70	09	225	Arat Thị Nụ	Nữ	29/10/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,8	15,75
71	16	396	Avô Thị Trinh	Nữ	14/07/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,2	15,75
72	01	017	Tơ Ngól Thị Kim Ân	Nữ	18/04/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,9	15,75
73	17	422	Aviét Thị Xinh	Nữ	14/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,8	15,75
74	04	093	Aviét Thị Hát	Nữ	13/06/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,3	15,75
75	06	149	Hoàng Ngọc Khánh	Nữ	30/06/2004	Phước Sơn, Quảng Nam	Tây	PTD/TNT Phước Sơn	Phước Sơn			Khá	7,7	15,50
76	08	180	Lê Thị Yến Linh	Nữ	26/02/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,2	15,50
77	12	297	Radêl Thị Sót	Nữ	29/07/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,2	15,50
78	03	054	Poloong Dju	Nữ	30/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,4	15,50
79	04	081	Zorâm Thị Thu Giang	Nữ	20/08/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,2	15,50
80	09	213	Hồ Thị Mỹ Mỹ	Nữ	19/02/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTD/TNT Nam Trà My	Nam Trà My			Giỏi	8,2	15,25
81	13	305	Coor Thị Sý	Nữ	03/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	TH&THCS Tà Pơ	Nam Giang			Giỏi	8,0	15,25
82	02	035	Alăng Thị Ngọc Châu	Nữ	09/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,2	15,25
83	09	216	Avô Thị Aly Na	Nữ	21/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,2	15,25
84	01	021	Lương Thị Ngọc Bích	Nữ	14/10/2004	Đắk Lắk	Tây	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,1	15,25
85	16	389	Đinh Thị Hoài Trâm	Nữ	17/12/2004	Đà Nẵng	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,1	15,25
86	11	261	Arat Thị Kim Oanh	Nữ	24/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,7	15,00
87	11	259	Poloong Thị Nhum	Nữ	23/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,4	15,00
88	17	405	Zo Râm Thị Thanh Trúc	Nữ	18/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,8	15,00
89	11	262	Đinh Thị Mỹ Oanh	Nữ	23/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,1	15,00
90	09	205	Briú Thị Chí Minh	Nữ	02/02/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,0	14,75
91	15	353	Kaphu Thị Thoi	Nữ	10/04/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,7	14,75
92	08	195	Arat Mai	Nữ	10/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,6	14,75
93	12	282	Alăng Quyền	Nữ	25/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTD/TNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,5	14,75

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tên trường	Huyện	Đối tượng U.T	Tổng điểm UT, KK	Xếp loại Học lực lớp 9	ĐTB cả năm lớp 9	Điểm trung tuyển
94	16	383	Dương Thị Thùy Trang	Nữ	17/05/2004	Bắc Trà My, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Trà Kót	Bắc Trà My			Giỏi	8,4	14,50
95	12	298	Alăng Sóng	Nam	06/03/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Lý Tự Trọng	Tây Giang			Giỏi	8,1	14,50
96	14	341	Blúp Thị Thi	Nữ	24/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Chà Vài-Zuóich	Nam Giang			Khá	7,6	14,50
97	07	177	Hồ Thị Linh	Nữ	22/01/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTDTNT Nam Trà My	Nam Trà My			Khá	7,4	14,50
98	03	071	Zorâm Thị Đoàn	Nữ	5/05/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,2	14,50
99	01	011	Zorâm Thị Apori	Nữ	08/04/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,2	14,50
100	11	260	Alăng Thị Oanh	Nữ	06/04/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,1	14,50
101	16	381	Arãl Thị Trang	Nữ	05/11/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,8	14,50
102	07	165	Võ Thị Lành	Nữ	30/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,8	14,50
103	02	039	Agileng Thị Kim Chi	Nữ	30/01/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,6	14,50
104	04	102	Phan Thu Hiền	Nữ	03/12/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Trần Phú	Đông Giang			Giỏi	8,5	14,25
105	13	325	Bhômưch Thị Ánh Tuyết	Nữ	22/09/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Chà Vài-Zuóich	Nam Giang			Khá	7,5	14,25
106	15	373	Alăng Thị Thư	Nữ	21/01/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Nguyễn Văn Trỗi	Tây Giang			Khá	7,4	14,25
107	02	046	Nguyễn Thị Thủy Chung	Nữ	18/07/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,1	14,25
108	11	267	Tangôn Thị Phán	Nữ	06/04/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,0	14,25
109	13	315	Lâm Anh Tiến	Nam	13/11/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	6,9	14,25
110	14	331	Cofầu Thang	Nữ	15/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,2	14,25
111	10	229	Hồ Thị Nga	Nữ	21/09/2003	Hiệp Đức, Quảng Nam	Ca dong	PTDTNT Hiệp Đức	Hiệp Đức			Giỏi	8,5	14,00
112	07	154	Alăng Thị Khuyên	Nữ	31/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	THCS Lê Văn Tám	Đông Giang			Giỏi	8,2	14,00
113	09	219	Cosĩ NaNa	Nữ	10/05/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	8,0	14,00
114	16	399	Bhling Thị Trinh	Nữ	30/07/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,7	14,00
115	10	232	Alăng Thị Ngán	Nữ	06/05/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,5	14,00
116	01	026	Ating Thị Cẩm	Nữ	30/09/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Nguyễn Bá Ngọc	Tây Giang			Khá	7,5	14,00
117	02	029	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	05/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,4	14,00
118	10	231	Alăng Thị Ngát	Nữ	08/03/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,0	14,00
119	01	006	Alăng Trâm Anh	Nữ	01/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT La Dêê-Đắc Tỏi	Nam Giang			Giỏi	8,3	13,75
120	08	199	Hồ Hoàng Mẫn	Nam	08/04/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTDTNT Nam Trà My	Nam Trà My			Khá	7,9	13,75
121	08	187	Alung Phi Lực	Nam	04/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	7,5	13,75
122	12	281	Briut Thị Quyền	Nữ	02/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	THCS Phan Châu Trinh	Đông Giang			Khá	7,3	13,75
123	07	159	Coor Thị Phương Lan	Nữ	16/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,2	13,75
124	08	202	Radêl Thị Mệt	Nữ	10/07/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTNT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,8	13,75
125	09	214	Kring Mỹ	Nam	25/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Ve	PTDTNT Nam Giang	Nam Giang			Khá	6,6	13,75
126	10	246	Alăng Thị Tuyết Nhi	Nữ	27/07/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDTBT Chà Vài-Zuóich	Nam Giang			Khá	7,5	13,50

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Tên trường	Huyện	Đối tượng UT	Tổng điểm UT, KK	Xếp loại Học lực lớp 9	ĐTB cả năm lớp 9	Điểm trúng tuyển
127	01	013	Alăng Thị Ái	Nữ	10/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,3	13,50
128	02	032	Đình Thị Cầm	Nữ	15/02/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,9	13,50
129	16	386	Zorâm Thị Thu Trang	Nữ	18/11/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Tà riêng	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,6	13,50
130	08	190	Alăng Thị Ly	Nữ	23/09/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,3	13,50
131	07	172	Hồ Thị Liễu	Nữ	05/09/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Xê dăng	PTDINT Trà Cang	Nam Trà My			Giỏi	8,4	13,25
132	06	148	Võ Quốc Khang	Nam	30/06/2003	Bắc Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTDINT Lý Tự Trọng	Bắc Trà My			Giỏi	8,1	13,25
133	03	053	Alăng Thị Đình	Nữ	25/12/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Xã Dang	Tây Giang			Khá	7,8	13,25
134	03	076	Bônướcch Đình Hương Giang	Nữ	24/06/2004	Phước Sơn, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Phước Sơn	Phước Sơn			Khá	7,5	13,25
135	01	016	Hồ Xuân Anh	Nam	03/05/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTDINT Nam Trà My	Nam Trà My			Khá	7,3	13,25
136	10	233	Hồ Thị Ngân	Nữ	01/07/2004	Phước Sơn, Quảng Nam	Gié triêng	PTDINT Phước Sơn	Phước Sơn			Khá	7,3	13,25
137	17	416	Nguyễn Thị Hồng Vương	Nữ	30/03/2004	Bắc Trà My, Quảng Nam	Cor	PTDINT Nước Oa	Bắc Trà My			Khá	7,2	13,25
138	04	095	Hồ Thị Mỹ Hằng	Nữ	12/05/2004	Phước Sơn, Quảng Nam	Gié triêng	PTDINT Phước Sơn	Phước Sơn			Khá	7,2	13,25
139	04	101	Zorâm Thị Hết	Nữ	30/08/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,9	13,25
140	17	427	Alăng Thị Kim Yến	Nữ	21/05/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	6,8	13,25
141	14	351	Arát Thọ	Nam	25/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			TB	6,1	13,25
142	13	313	Nguyễn Thị Thanh Tiên	Nữ	01/08/2004	Nam Trà My, Quảng Nam	Ca dong	PTDINT Nam Trà My	Nam Trà My			Giỏi	8,3	13,00
143	08	183	Bônướcch Thị Lĩnh	Nữ	20/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Cà Dý-TàBhing	Nam Giang			Giỏi	8,2	13,00
144	14	343	Riáh Thị Thi	Nữ	20/11/2004	Tây Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Ch'om-Gari	Tây Giang			Khá	7,8	13,00
145	15	364	Coor Thị Thủy	Nữ	23/05/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Cơ tu	TH&THCS Tà Pơr	Nam Giang			Khá	7,7	13,00
146	16	388	Blinh Thị Trâm	Nữ	20/07/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Khá	7,5	13,00
147	10	247	Briú Thị Tuyết Nhi	Nữ	11/12/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Cơ tu	PTDINT Tây Giang	Tây Giang			Khá	7,3	13,00

II HỌC SINH LÀ NGƯỜI KINH

1	15	375	Trần Quỳnh Thư	Nữ	13/10/2004	Thăng Bình, Quảng Nam	Kinh	PTDINT Nam Giang	Nam Giang		1,0	Giỏi	9,1	28,00
2	05	119	Chung Thị Thủy Hồng	Nữ	01/02/2004	Núi Thanh, Quảng Nam	Kinh	PTDINT Chà Vài-Zuôich	Nam Giang		0,5	Giỏi	9,3	27,50
3	02	038	Trương Thị Bảo Châu	Nữ	29/01/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Kinh	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Giỏi	8,6	27,00
4	13	311	Bùi Thị Thủy Tiên	Nữ	07/04/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Kinh	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Giỏi	8,5	26,00
5	01	003	Nguyễn Thị Tân An	Nữ	07/05/2004	Đà Nẵng	Kinh	PTDINT Nguyễn Bá Ngọc	Tây Giang		1,0	Giỏi	9,3	25,25
6	15	377	Bùi Thị Thương	Nữ	21/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	Kinh	PTDINT Nam Giang	Nam Giang			Giỏi	8,4	23,75
7	06	138	Nguyễn Minh Kiệt	Nam	01/02/2004	Duy Xuyên, Quảng Nam	Kinh	THCS Kim Đồng	Đông Giang			Giỏi	8,4	23,50
8	11	258	Mai Nguyễn Tú Như	Nữ	07/07/2004	Đông Giang, Quảng Nam	Kinh	PTDINT Đông Giang	Đông Giang			Giỏi	8,1	23,50

Tổng công danh sách này có 155 học sinh trúng tuyển, trong đó 144 thí sinh là người dân tộc thiểu số, 08 thí sinh là người Kinh. /